

Bài 4: Cá nhân	
- Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài tập - Gọi HS đọc đoạn văn của mình - GV nhận xét	- HS nêu yêu cầu - HS làm bài vào vở - 3 HS đọc - HS nghe
3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- Tìm thêm các câu thành ngữ, tục ngữ thuộc các chủ đề trên ?	- HS nêu
4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Về nhà viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-5 câu tả hình dáng người thân trong gia đình em ?	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 8 tháng 12 năm 2017

Tập làm văn

LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI (Tả hoạt động)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết lập dàn ý bài văn tả hoạt động của người (BT1).
- Dựa vào dàn ý đã lập, viết được đoạn văn tả hoạt động của người (BT2).

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng lập dàn ý cho bài văn tả hoạt động của người.

3. Thái độ: Chăm thận, tỉ mỉ khi quan sát.

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Ảnh về em bé
- HS : SGK, vở viết

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kỹ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động: (3 phút)	
- Cho HS đọc đoạn văn tả hoạt động của một người mà em yêu mến. - Nhận xét ý thức học bài ở nhà	- HS đọc - HS nghe

<p>- Giới thiệu bài - Ghi bảng</p>	<p>- HS ghi vở</p>
<p>2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> - Biết lập dàn ý bài văn tả hoạt động của người (BT1). - Dựa vào dàn ý đã lập, viết được đoạn văn tả hoạt động của người (BT2). * <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài và gợi ý của bài - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở - Gọi HS đọc dàn bài của mình. - GV nhận xét, chỉnh sửa</p> <p>Bài 2: Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS làm bài - Cho HS đọc bài của mình - GV nhận xét</p>	<p>- HS đọc - HS tự lập dàn bài - HS đọc dàn bài Gợi ý: * <i>Mở bài</i> - Giới thiệu em bé định tả, em bé đó là trai hay gái? tên là gì? mấy tuổi? con ai? bé có nét gì ngộ nghĩnh đáng yêu? * <i>Thân bài</i> Tả bao quát về hình dáng của em bé: + thân hình bé như thế nào? + mái tóc + khuôn mặt + tay chân Tả hoạt động của em bé: nhận xét chung về em bé, em thích nhất lúc bé làm gì? Em hãy tả những hoạt động của em bé: khóc, cười, tập nói, tập đi, đòi ăn, chơi đồ chơi làm nũng mẹ, xem phim hoạt hình... * <i>Kết bài</i> - Nêu cảm nghĩ của mình về em bé - HS đọc bài của mình</p> <p>- HS đọc - HS làm bài - HS đọc bài viết của mình Ví dụ về dàn bài văn tả em bé. 1. <u>Mở bài</u>: Bé Lan, em gái tôi, đang tuổi tập nói tập đi. 2. <u>Thân bài</u>: Ngoại hình: Bụ bẫm. Mái tóc: Thừa mềm như tơ, buộc thành túm nhỏ trên đầu. Hai má: Bụ bẫm, ửng hồng, có hai lúm đồng tiền. Miệng: Nhỏ xinh luôn nở nụ cười tươi. Chân tay: mập mạp, trắng hồng, có</p>

	<p>nhiều ngón. Đôi mắt:Đen tròn như hạt nhãn. Hoạt động: Nhận xét chung: Như là một cô bé búp bê luôn biết khóc và biết cười, bé rất lém lỉnh dễ thương. Chi tiết: Lúc chơi:Lê la dưới sàn với một đồng đồ chơi,tay nghịch hết cái này đến cái khác,ôm mèo,xoa đầu cười khanh khách... Lúc xem ti vi:Xem chăm chú,thấy người ta múa cũng làm theo.Thích thú khi xem quảng cáo. Làm nũng mẹ: Không muốn ăn thì ôm mẹ khóc.Ôm lấy mẹ khi có ai trêu chọc. 3. <u>Kết bài</u>: Mẹ rất yêu bé Lan,..mong bé Lan khoẻ, chóng lớn.</p>
3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)	
- Khi viết bài văn tả người, ta tả hình dáng xong rồi mới tả hoạt động hay tả đan xen giữa tả hình dáng và tả hoạt động ?	- HS nêu
4. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)	
- Về nhà hoàn thành đoạn văn, chuẩn bị bài cho tiết kiểm tra viết.	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

*Toán***GIẢI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số.
- Giải được các bài toán đơn giản có nội dung tìm tỉ số phần trăm của hai số.
- Bài 1, bài 2(a,b), bài 3.

2.Kĩ năng: Giải được các bài toán đơn giản có nội dung tìm tỉ số phần trăm của hai số.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh độc lập suy nghĩ khi làm bài.

4. Năng lực:

- **Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ....
- HS : SGK, bảng con, vở...

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành...
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kĩ thuật trình bày một phút. kĩ thuật động não...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu cách chuyển từ phân số thập phân thành tỉ số phần trăm, chẳng hạn; $\frac{75}{300} = \frac{25}{100} = 25\%$ - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) *Mục tiêu: Biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số. *Cách tiến hành:	
* Hướng dẫn giải toán về tỉ số phần trăm. - Giới thiệu cách tìm tỉ số phần trăm của 315 và 600 - GV nêu bài toán ví dụ - GV yêu cầu HS thực hiện + Viết tỉ số giữa số học sinh nữ và số học sinh toàn trường. + Hãy tìm thương 315 : 600 + Hãy nhân 0,525 với 100 rồi lại chia cho 100. + Hãy viết 52,5 : 100 thành tỉ số phần trăm. - Các bước trên chính là các bước chúng ta đi tìm tỉ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh toàn trường.	- HS làm và nêu kết quả của từng bước. + Tỉ số giữa số học sinh nữ và số học sinh toàn trường là 315 : 600 + 315 : 600 = 0,525 + 0,525 × 100 : 100 = 52,5 : 100 + 52,5%.

<p>Vậy tỉ số phần trăm giữa số HS nữ và số học sinh toàn trường là 52,5%.</p> <p>- Ta có thể viết gọn các bước tính trên như sau :</p> $315 : 600 = 0,525 = 52,5\%$ <p>- Em hãy nêu lại các bước tìm tỉ số phần trăm của hai số 315 và 600.</p> <p><i>*Hướng dẫn giải bài toán về tìm tỉ số phần trăm.</i></p> <p>- GV nêu bài toán: Trong 80kg nước biển có 2,8 kg muối. Tìm tỉ số phần trăm của lượng muối trong nước biển.</p> <p>- GV giải thích: Có 80kg nước biển, khi lượng nước bốc hơi hết thì người ta thu được 2,8 kg muối. Tìm tỉ số phần trăm của lượng muối trong nước biển.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>- 1 HS nêu trước lớp, HS cả lớp theo dõi, bổ sung ý kiến và thống nhất các bước làm như sau:</p> <p>+ Tìm thương của 315 và 600.</p> <p>+ Nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải.</p> <p>- HS nghe và tóm tắt bài toán.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào bảng con</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Tỉ số phần trăm của lượng muối trong nước biển là :</p> $2,8 : 80 = 0,035$ $0,035 = 3,5\%$ <p style="text-align: right;">Đáp số : 3,5 %</p>
<p>3. HĐ thực hành: (15 phút)</p> <p><i>*Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tìm tỉ số phần trăm của hai số. - Giải được các bài toán đơn giản có nội dung tìm tỉ số phần trăm của hai số. - Bài 1, bài 2(a,b), bài 3. <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: Cá nhân</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài và mẫu</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>- HS đọc đề bài</p> <p>- Cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả</p> $0,57 = 57\%$ $0,3 = 30\%$ $0,234 = 23,4\%$

<p>Bài 2(a,b): Cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS làm bài theo cặp đôi. - GV nhận xét <p><i>Cách làm:</i> Tìm thương sau đó nhân nhâm thương với 100 và ghi kí hiệu % vào bên phải tích vừa tìm được.</p> <p>Bài 3: Nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc đề bài toán. - Muốn biết số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp chúng ta phải làm như thế nào ? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài. - GV nhận xét 	<p>$1,35 = 135\%$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập yêu cầu chúng ta tính tỉ số phần trăm của hai số. -HS lên bảng chia sẻ kết quả a, $0,6333... = 63,33\%$. b) $45 : 61 = 0,7377... = 73,77\%$ <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - Chúng ra phải tính tỉ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh cả lớp. - Đại diện nhóm lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Tỉ số phần trăm của số HS nam và số HS cả lớp là:</p> <p style="text-align: center;">$13 : 25 = 0,52$ $0,52 = 52\%$ Đáp số 52%</p>
<p>4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS vận dụng làm bài sau: Viết tỉ số phần trăm thích hợp vào chỗ chấm: <p>0,53 =..... 0,7 =.....</p> <p>1,35 =..... 1,424 =.....</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài: <p>$0,53 = 53\%$ $0,7 = 70\%$</p> <p>$1,35 = 135\%$ $1,424 = 142,4\%$</p>
<p>5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết tiết học, dặn dò HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Đạo đức
TÔN TRỌNG PHỤ NỮ (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

- 1. Kiến thức:** HS nêu được vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội.
- 2. Kỹ năng:** Biết được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự tôn trọng phụ nữ.

3. Thái độ: Tôn trọng, quan tâm, không phân biệt đối xử với chị em gái, bạn gái và những người phụ nữ khác trong cuộc sống hằng ngày.

***GDKNS:** - Kỹ năng tư duy phê phán (biết phê phán, đánh giá những quan niệm sai, những hành vi ứng xử không phù hợp với phụ nữ.

- Kỹ năng ra quyết định phù hợp trong các tình huống có liên quan tới phụ nữ.

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với bà mẹ, chị em gái, cô giáo, các bạn gái và những người phụ nữ khác ngoài xã hội.

4. Năng lực: **Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ....

- HS : SGK, bảng con, vở...

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, đàm thoại, thuyết trình tranh luận,...

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kỹ thuật trình bày một phút. kỹ thuật động não...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
- Cho HS trả lời câu hỏi: + Tại sao người phụ nữ là những người đáng tôn trọng? - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS trả lời - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(27phút) <i>* Mục tiêu:</i> - HS nêu được vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. - Biết được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự tôn trọng phụ nữ. <i>* Cách tiến hành:</i>	
HD1: Xử lí tình huống (bài tập 3) - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho HS thảo luận. - GV theo dõi HD. - Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - GV kết luận: a, Chọn trưởng nhóm phụ trách sao cần phải xem khả năng tổ chức công việc và khả năng hợp tác với bạn khác trong công việc. Nếu Tiến có khả năng thì có thể chọn bạn. Không nên chọn Tiến chỉ vì bạn đó là con trai. b, Mỗi người đều có quyền bày tỏ ý	- HS thảo luận theo nhóm 4. - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

kiến của mình. Bạn Tuấn nên lắng nghe các bạn nữ phát biểu. Hoạt động 2: Làm bài tập 4 (sgk) - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận theo nhóm. - GV kết luận: + Ngày 8 tháng 3 là ngày Quốc tế phụ nữ. + Ngày 20 tháng 10 là ngày Phụ nữ Việt Nam. + Hội phụ nữ, câu lạc bộ các nữ doanh nhân là các tổ chức xã hội dành riêng cho phụ nữ. Hoạt động 3: Ca ngợi phụ nữ Việt Nam (bài tập 5) - GV tổ chức cho HS hát, múa, đọc thơ hoặc kể chuyện về một người phụ nữ mà em yêu mến, kính trọng. - GV theo dõi, tuyên dương.	- HS làm việc theo nhóm đôi. - Đại diện các nhóm báo cáo. - HS chuẩn bị theo nhóm 6. - Các nhóm lên trình bày.
3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- Em làm gì để thể hiện sự tôn trọng đối với những người phụ nữ trong gia đình mình ?	- HS nêu
4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Cùng các bạn trong lớp lập kế hoạch tổ chức Ngày Quốc tế Phụ nữ.	- HS nghe và thực hiện.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

Khoa học
THỦY TINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Nhận biết 1 số tính của thủy tinh.

2. Kỹ năng:

- Nêu được công dụng của thủy tinh.
- Nêu được một số cách bảo quản các đồ dùng bằng thủy tinh.

3. Thái độ: Có ý thức bảo vệ môi trường.

* GDBVMT: Mọi quan hệ giữa con người với môi trường: Thủy tinh được làm từ cát trắng lấy từ môi trường nên khai thác cần phải đi đôi với cải tạo và bảo vệ môi trường.

4. Năng lực: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- Giáo viên: Sách giáo khoa, hình và thông tin trang 60; 61 SGK, một số hình ảnh về các ứng dụng của thủy tinh...

- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò				
1. Hoạt động khởi động:(5 phút)					
- Cho Hs thi trả lời câu hỏi: + Hãy nêu tính chất và cách bảo quản của xi măng ? + Xi măng có những ích lợi gì trong đời sống ? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nêu - HS nghe - HS ghi vở				
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(27 phút)					
*Mục tiêu: - Nhận biết 1 số tính của thủy tinh. - Nêu được công dụng của thủy tinh. - Nêu được một số cách bảo quản các đồ dùng bằng thủy tinh. *Cách tiến hành:					
<p>Hoạt động 1: Những đồ dùng làm bằng thủy tinh</p> - Cho HS thảo luận nhóm TLCH: + Trong số đồ dùng trong gia đình có rất nhiều đồ dùng bằng thủy tinh. Hãy kể tên các đồ dùng mà bạn biết ? + Dựa vào thực tế bạn thấy thủy tinh có tính chất gì ? + Nếu thả chiếc cốc thủy tinh xuống sàn nhà thì điều gì sẽ xảy ra? Tại sao? - GV kết luận <p>Hoạt động 2: Các loại thủy tinh và tính chất của chúng</p> - Tổ chức hoạt động nhóm - Yêu cầu HS quan sát, đọc thông tin SGK, sau đó xác định - Kể tên những đồ dùng làm bằng thủy tinh thông thường?	- Mắt kính, bóng điện, chai, lọ, li, cốc, chén, cửa sổ, lọ đựng thuốc thí nghiệm, lọ hoa, màn hình ti vi, vật lưu niệm... - Thủy tinh trong suốt hoặc có màu rất dễ vỡ, không bị gỉ - Khi thả chiếc cốc xuống sàn nhà, chiếc cốc sẽ bị vỡ thành nhiều mảnh. Vì chiếc cốc này bằng thủy tinh khi va chạm với nền nhà rắn sẽ bị vỡ - HS lắng nghe - Các nhóm nhận đồ dùng và trao đổi, làm bài <table border="1" data-bbox="820 1795 1388 1957"> <thead> <tr> <th data-bbox="820 1795 1112 1837"><i>Thủy tinh thường</i></th> <th data-bbox="1112 1795 1388 1837"><i>Thủy tinh cao cấp</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="820 1837 1112 1957"> - Bóng đèn - Trong suốt, không gỉ cứng dễ vỡ </td> <td data-bbox="1112 1837 1388 1957"> - lọ hoa, dụng cụ thí nghiệm - Rất cứng </td> </tr> </tbody> </table>	<i>Thủy tinh thường</i>	<i>Thủy tinh cao cấp</i>	- Bóng đèn - Trong suốt, không gỉ cứng dễ vỡ	- lọ hoa, dụng cụ thí nghiệm - Rất cứng
<i>Thủy tinh thường</i>	<i>Thủy tinh cao cấp</i>				
- Bóng đèn - Trong suốt, không gỉ cứng dễ vỡ	- lọ hoa, dụng cụ thí nghiệm - Rất cứng				

<p>- Kể tên những đồ dùng làm bằng thủy tinh chất lượng cao?</p> <p>- GV kết luận</p> <p>- Em có biết người ta chế tạo đồ thủy tinh bằng cách nào không?</p> <p>- Đồ dùng bằng thủy tinh dễ vỡ, chúng ta phải bảo quản như thế nào ?</p> <p>- GV kết luận: Thủy tinh thường trong suốt, không gỉ, cứng nhưng dễ vỡ, không cháy, không hút ẩm và không bị a- xít ăn mòn. Thủy tinh chất lượng cao rất trong, chịu được nóng, lạnh, bền, khó vỡ được dùng để làm các đồ dùng và dụng cụ trong y tế, phòng thí nghiệm, những dụng cụ quang học chất lượng cao.</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="735 96 1040 268"> <ul style="list-style-type: none"> - Không cháy, không hút ẩm, không bị axít ăn mòn </td> <td data-bbox="1040 96 1336 268"> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu được nóng, lạnh - Bền khó vỡ </td> </tr> </table> <p>- Cốc chén, mắt kính, chai, lọ, kính máy ảnh, ống nhòm, bát đĩa hấp thức ăn trong lò vi sóng...</p> <p>- HS nghe</p> <p>- Chế tạo bằng cách đun nóng chảy cát trắng và các chất khác rồi thổi thành các hình dạng mình muốn</p> <p>- Để nơi chắc chắn</p> <p>- Không va đập vào các vật cứng</p> <p>- Dùng xong phải rửa sạch để nơi chắc chắn tránh rơi vỡ</p> <p>- Cần thận khi sử dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không cháy, không hút ẩm, không bị axít ăn mòn 	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu được nóng, lạnh - Bền khó vỡ
<ul style="list-style-type: none"> - Không cháy, không hút ẩm, không bị axít ăn mòn 	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu được nóng, lạnh - Bền khó vỡ 		
<p>3. Hoạt động ứng dụng:(2phút)</p>			
<p>- Em đã bảo quản và sử dụng đồ bằng thủy tinh trong gia đình mình như thế nào ?</p>	<p>- HS nghe và thực hiện</p>		
<p>4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</p>			
<p>- Tìm hiểu ích lợi của thủy tinh trong cuộc sống.</p>	<p>- HS nghe và thực hiện</p>		

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Khoa học

CAO SU

I. MỤC TIÊU :

- 1. Kiến thức:** Nhận biết một số tính chất của cao su.
- 2. Kỹ năng:** Nêu được một số công dụng, cách bảo quản các đồ dùng bằng cao su.
- 3. Thái độ:** Chung tay bảo vệ môi trường.